

QUY CHẾ
MUA SẴM TÀI SẢN NHÀ NƯỚC THEO PHƯƠNG THỨC TẬP TRUNG
CỦA BỘ XÂY DỰNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1322/QĐ-BXD ngày 15 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này hướng dẫn việc mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức tập trung của Bộ Xây dựng, bao gồm:

1. Mua sắm tài sản nhà nước thuộc danh mục mua sắm tập trung theo công bố của Bộ Xây dựng:

a) Quy trình thực hiện mua sắm tập trung đối với các loại tài sản nhà nước của Bộ Xây dựng theo danh mục được công bố tại Quyết định số 892/QĐ-BXD ngày 07/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng

b) Quản lý thu, chi liên quan đến mua sắm tập trung;

c) Các quy định khác liên quan đến việc mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức tập trung;

2. Mua sắm tài sản nhà nước thuộc danh mục mua sắm tập trung quốc gia theo quy định tại Thông tư số 34/2016/TT-BTC;

3. Việc mua sắm các loại tài sản sau đây không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này:

- Mua sắm tập trung thuộc tại Bộ Y tế và các địa phương thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Y tế;

- Tài sản mua sắm từ nguồn vốn viện trợ, tài trợ, nguồn vốn thuộc các chương trình, dự án sử dụng vốn nước ngoài mà nhà tài trợ có yêu cầu về mua sắm khác với quy định tại Thông tư số 35/2016/TT-BTC.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đơn vị mua sắm tập trung kiêm nhiệm của Bộ Xây dựng (Vụ Kế hoạch - Tài chính).

2. Các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, Ban quản lý dự án thuộc Bộ Xây dựng trực tiếp sử dụng tài sản thuộc danh mục mua sắm tập trung.

3. Cơ quan, đơn vị không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều này khi mua sắm tài sản bằng nguồn kinh phí không thuộc phạm vi quy định tại Điều 4 Quy

chế này được khuyến khích áp dụng theo quy định tại Quy chế mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức tập trung của Bộ Xây dựng.

Điều 3. Yêu cầu trong mua sắm tập trung

1. Việc mua sắm phải tuân thủ tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định; theo danh mục tài sản mua sắm tập trung quốc gia của Bộ Tài chính và danh mục tài sản mua sắm tập trung của Bộ Xây dựng ban hành và công bố.

2. Thực hiện mua sắm trong phạm vi dự toán được giao và nguồn kinh phí được phép sử dụng, bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm và có hiệu quả.

3. Bảo đảm tính đồng bộ, hiện đại phù hợp với yêu cầu, nội dung hoạt động và quá trình cải cách nền hành chính nhà nước, cải cách tài chính công.

4. Việc mua sắm tập trung phải được thực hiện thông qua đơn vị mua sắm tập trung kiêm nhiệm là Vụ Kế hoạch - Tài chính.

5. Thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về đấu thầu.

Điều 4. Nguồn kinh phí mua sắm tập trung

1. Kinh phí được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao trong dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan, đơn vị.

2. Nguồn công trái quốc gia, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương.

3. Nguồn vốn thuộc các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA; nguồn viện trợ, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thuộc nguồn ngân sách nhà nước mà nhà tài trợ không có yêu cầu mua sắm khác với quy định tại Quy chế này.

4. Nguồn kinh phí từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên; nguồn kinh phí từ Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách nhà nước.

5. Nguồn quỹ bảo hiểm y tế, nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và nguồn thu hợp pháp khác của cơ sở y tế công lập.

Chương II

MUA SẮM TÀI SẢN TẬP TRUNG CỦA BỘ XÂY DỰNG

Mục 1: QUY TRÌNH MUA SẮM TÀI SẢN TẬP TRUNG CỦA BỘ XÂY DỰNG

Điều 5. Danh mục mua sắm tập trung

1. Danh mục mua sắm tập trung của Bộ Xây dựng, bao gồm:

- Máy vi tính (để bàn và xách tay);
- Máy in;
- Máy phô tô copy;
- Máy chiếu;
- Máy điều hòa.

2. Việc điều chỉnh danh mục tài sản mua sắm tập trung cấp Bộ thực hiện theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Điều 6. Cách thức thực hiện mua sắm tập trung

Việc mua sắm tài sản tập trung được thực hiện theo cách thức ký thỏa thuận khung. Đơn vị kiêm nhiệm mua sắm tập trung của Bộ Xây dựng (Vụ Kế hoạch - Tài chính) tổng hợp nhu cầu mua sắm, tiến hành lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu hoặc thuê tổ chức đấu thầu chuyên nghiệp lựa chọn nhà thầu, ký thỏa thuận khung với nhà thầu được lựa chọn.

Các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ (sau đây gọi tắt là đơn vị dự toán) có nhu cầu sử dụng tài sản trực tiếp ký hợp đồng mua sắm với nhà thầu được lựa chọn, trực tiếp thanh toán cho nhà thầu được lựa chọn (trừ trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao dự toán cho đơn vị mua sắm tập trung), tiếp nhận tài sản, hồ sơ về tài sản và thực hiện nghĩa vụ hợp đồng, chế độ bảo hành, bảo trì tài sản từ nhà thầu được lựa chọn.

Điều 7. Nội dung quy trình mua sắm tập trung

1. Lập, phê duyệt dự toán mua sắm tài sản.
2. Tổng hợp nhu cầu mua sắm tài sản tập trung.
3. Lập, thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.
4. Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu.
5. Tổ chức lựa chọn nhà thầu.
6. Đánh giá hồ sơ dự thầu và thương thảo thỏa thuận khung.
7. Thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.
8. Ký kết thỏa thuận khung về mua sắm tập trung.
9. Ký kết hợp đồng mua sắm tài sản.
10. Thanh toán, bàn giao, tiếp nhận tài sản, quyết toán, thanh lý hợp đồng mua sắm tài sản.
11. Bảo hành, bảo trì tài sản.

Điều 8. Lập, phê duyệt dự toán mua sắm tập trung

1. Căn cứ tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng tài sản; nhu cầu và hiện trạng sử dụng tài sản; đơn vị dự toán thuộc Bộ đề xuất nhu cầu mua sắm tài sản cùng với việc lập dự toán ngân sách hàng năm, trình Bộ Xây dựng theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, **chậm nhất trước ngày 31/7 của năm báo cáo**; trong đó, xác định cụ thể chủng loại, số lượng, dự toán kinh phí mua sắm tài sản thuộc danh mục mua sắm tập trung.

2. Bộ Xây dựng quyết định giao dự toán theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước cho đơn vị dự toán thuộc Bộ có nhu cầu và đủ điều kiện được mua sắm tài sản.

Điều 9. Tổng hợp nhu cầu mua sắm tập trung

1. Căn cứ thông báo dự toán mua sắm tài sản được cấp có thẩm quyền giao, đơn vị dự toán có trách nhiệm lập văn bản đăng ký mua sắm tập trung gửi Bộ Xây dựng (Vụ Kế hoạch - Tài chính) **trước ngày 31 tháng 01 hàng năm**. Nội dung chủ yếu của văn bản đăng ký mua sắm tập trung bao gồm:

- a) Đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản sau khi hoàn thành việc mua sắm;
- b) Chung loại, số lượng tài sản mua sắm tập trung;
- c) Dự toán, nguồn vốn thực hiện mua sắm tập trung và phương thức thanh toán;
- d) Dự kiến thời gian, địa điểm giao, nhận tài sản sau khi hoàn thành mua sắm và các đề xuất khác (nếu có).

2. Vụ Kế hoạch - Tài chính có trách nhiệm:

- a) Tổng hợp nhu cầu mua sắm tập trung của đơn vị dự toán thuộc Bộ, theo mẫu số 01a/TH/MSTT Thông tư số 35/2016/TT-BTC;
- b) Phối hợp với Vụ Tổ chức Cán bộ, Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường và văn phòng Bộ rà soát, bổ sung, hoàn thiện báo cáo nhu cầu mua sắm tập trung của các đơn vị trực thuộc trình Bộ trưởng phê duyệt.

3. Trường hợp quá thời hạn quy định tại Khoản 1 Điều này mà đơn vị không đề nghị nhu cầu mua sắm tập trung thì không được phép mua sắm tài sản đã được cấp có thẩm quyền giao dự toán.

Điều 10. Lập, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu

1. Vụ Kế hoạch - Tài chính lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm tập trung theo quy định của pháp luật về đấu thầu trình Bộ trưởng phê duyệt.

2. Việc thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm tập trung thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

3. Việc phân chia tài sản mua sắm thành các gói thầu phải căn cứ theo tính chất kỹ thuật, trình tự thực hiện, bảo đảm đồng bộ trong việc mua sắm, quy mô gói thầu hợp lý, bảo đảm khả năng bảo hành và các dịch vụ sau bán hàng của nhà cung cấp. Nghiêm cấm việc chia dự án, dự toán mua sắm thành các gói thầu trái với quy định của pháp luật nhằm mục đích hạn chế sự tham gia của các nhà thầu.

Điều 11. Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu; tổ chức lựa chọn nhà thầu; đánh giá hồ sơ dự thầu và thương thảo hợp đồng; thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Việc chuẩn bị lựa chọn nhà thầu; tổ chức lựa chọn nhà thầu; đánh giá hồ sơ dự thầu và thương thảo hợp đồng; thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Vụ Kế hoạch - Tài chính thực hiện lựa chọn nhà thầu cung cấp tài sản theo quy định của pháp luật về đấu thầu và được phép thuê tổ chức đấu thầu chuyên

nghiệp thực hiện lựa chọn nhà thầu cung cấp tài sản theo quy định tại Điều 26 Thông tư số 35/2016/TT-BTC.

3. Đối với thông tin về đấu thầu mua sắm tập trung, ngoài việc đăng tải trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, Báo Đấu thầu, Vụ Kế hoạch - Tài chính hoặc tổ chức đấu thầu chuyên nghiệp được thuê cung cấp dịch vụ đấu thầu phải thực hiện đăng tải trên Trang thông tin về tài sản nhà nước của Bộ Tài chính (đối với tất cả các gói thầu mua sắm tập trung) và Cổng thông tin điện tử của Bộ Xây dựng.

Điều 12. Ký kết thỏa thuận khung về mua sắm tập trung

1. Thỏa thuận khung về mua sắm tập trung được ký kết giữa Vụ Kế hoạch - Tài chính và nhà thầu cung cấp tài sản được lựa chọn.

2. Thỏa thuận khung về mua sắm tập trung được lập thành văn bản theo mẫu số 03/TTK/MSTT Thông tư số 35/2016/TT-BTC.

3. Vụ Kế hoạch - Tài chính có trách nhiệm:

a) Đăng tải danh sách các nhà thầu được lựa chọn, thỏa thuận khung ký kết giữa nhà thầu và Vụ Kế hoạch - Tài chính, tài liệu mô tả chi tiết từng tài sản (tên, tiêu chuẩn kỹ thuật, đơn giá, màu sắc, xuất xứ); mẫu hợp đồng mua sắm với từng loại tài sản trên Trang thông tin về tài sản nhà nước của Bộ Tài chính (đối với tất cả các gói thầu mua sắm tập trung) và phối hợp với Trung tâm Thông tin đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Xây dựng;

b) Thông báo bằng hình thức văn bản trực tiếp đến các đơn vị dự toán thuộc Bộ có nhu cầu mua sắm tập trung được phê duyệt.

4. Trên cơ sở thông báo bằng văn bản của Vụ Kế hoạch - Tài chính, các đơn vị dự toán sử dụng tài sản ký hợp đồng mua sắm tài sản.

Điều 13. Ký kết hợp đồng mua sắm tài sản

1. Đơn vị dự toán trực tiếp sử dụng tài sản thực hiện ký hợp đồng mua sắm với nhà thầu đã được đơn vị mua sắm tập trung kiêm nhiệm của Bộ Xây dựng (Vụ Kế hoạch - Tài chính) ký thỏa thuận khung. Việc đàm phán giá ký hợp đồng mua sắm tài sản với nhà thầu, các đơn vị dự toán thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Thông tư số 35/2016/TT-BTC.

2. Hợp đồng mua sắm tài sản được lập thành văn bản theo mẫu số 04a/HĐMS/MSTT Thông tư số 35/2016/TT-BTC.

3. Hợp đồng mua sắm của các cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản được gửi 01 bản cho Vụ Kế hoạch - Tài chính để theo dõi và đăng nhập thông tin về hợp đồng mua sắm tài sản vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước theo tài liệu hướng dẫn sử dụng của Bộ Tài chính.

Điều 14. Thanh toán mua sắm tài sản

1. Đơn vị dự toán trực tiếp ký hợp đồng mua sắm, sử dụng tài sản có trách nhiệm thanh toán tiền mua tài sản cho nhà thầu được lựa chọn.

2. Việc thanh toán tiền mua sắm tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật, theo thỏa thuận khung và hợp đồng mua sắm tài sản đã ký với nhà thầu được lựa chọn.

3. Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm kiểm soát chi đối với các khoản mua sắm từ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Bàn giao, tiếp nhận tài sản

1. Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được thực hiện giữa hai bên (nhà thầu cung cấp tài sản và cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản) theo hợp đồng mua sắm tài sản đã ký kết.

2. Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản phải được lập Biên bản nghiệm thu, bàn giao, tiếp nhận tài sản theo quy định theo mẫu số 05a/BBGN/MSTT quy định tại Thông tư số 35/2016/TT-BTC, kèm theo các hồ sơ, tài liệu có liên quan, gồm:

- a) Hợp đồng mua sắm tài sản (bản chính);
- b) Hóa đơn bán hàng (bản chính);
- c) Phiếu bảo hành (bản chính);
- d) Hồ sơ kỹ thuật, tài liệu hướng dẫn sử dụng (bản chính);
- đ) Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

3. Đơn vị dự toán trực tiếp sử dụng tài sản có trách nhiệm tiếp nhận, theo dõi trên sổ kế toán, quản lý, sử dụng tài sản được trang bị theo quy định của pháp luật về kế toán, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

Điều 16. Quyết toán, thanh lý hợp đồng mua sắm tài sản

1. Đơn vị dự toán, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản có trách nhiệm:

- a) Thanh lý hợp đồng mua sắm tài sản với nhà thầu được lựa chọn;
- b) Quyết toán kinh phí mua sắm tài sản.

2. Việc quyết toán, thanh lý hợp đồng mua sắm tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật và hợp đồng mua sắm tài sản đã ký với nhà thầu được lựa chọn.

Điều 17. Bảo hành, bảo trì tài sản

1. Nhà thầu được lựa chọn cung cấp tài sản có trách nhiệm bảo hành, bảo trì đối với tài sản đã cung cấp.

2. Nội dung công việc bảo hành, thời hạn bảo hành, chi phí liên quan và trách nhiệm của các bên (đơn vị dự toán trực tiếp sử dụng tài sản, đơn vị mua sắm tập trung và nhà thầu trúng thầu) phải được thể hiện trong hồ sơ mời thầu, thỏa thuận khung và hợp đồng mua sắm tài sản.

Mục 2: LỰA CHỌN TỔ CHỨC ĐẤU THẦU CHUYÊN NGHIỆP TRONG MUA SẮM TẬP TRUNG

Điều 18. Lựa chọn tổ chức đấu thầu chuyên nghiệp trong mua sắm tài sản theo hình thức tập trung

Trong trường hợp không đủ năng lực thực hiện, Vụ Kế hoạch - Tài chính được phép thuê tổ chức đấu thầu chuyên nghiệp thực hiện lựa chọn nhà thầu cung cấp tài sản nhà nước theo quy định tại Điều 26 Thông tư số 35/2016/TT-BTC. Việc lựa chọn tổ chức đấu thầu chuyên nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Điều 19. Hợp đồng thuê tổ chức đấu thầu chuyên nghiệp trong mua sắm mua sắm tài sản theo hình thức tập trung

1. Hợp đồng thuê tổ chức đấu thầu chuyên nghiệp trong mua sắm tập trung được ký kết giữa đơn vị mua sắm tập trung và tổ chức đấu thầu chuyên nghiệp.

2. Hợp đồng thuê tổ chức đấu thầu chuyên nghiệp trong mua sắm tập trung phải được lập thành văn bản và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Thông tin của đơn vị mua sắm tập trung;
- b) Thông tin của tổ chức đấu thầu chuyên nghiệp;
- c) Chứng loại, số lượng tài sản kèm theo mô tả chi tiết các yêu cầu về tài sản cần mua sắm;
- d) Giá trị mua sắm dự kiến;
- đ) Hình thức lựa chọn nhà thầu;
- e) Thời hạn hoàn thành việc lựa chọn nhà thầu cung cấp tài sản;
- g) Chi phí thuê tiến hành lựa chọn nhà thầu trong mua sắm tập trung theo quy định của pháp luật;
- h) Quyền, nghĩa vụ của các bên;
- i) Trách nhiệm của các bên do vi phạm hợp đồng;
- k) Các nội dung khác của hợp đồng do các bên thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Việc chấm dứt thực hiện lựa chọn tổ chức đấu thầu chuyên nghiệp trong mua sắm tập trung thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự.

Mục 3: QUẢN LÝ THU, CHI LIÊN QUAN ĐẾN MUA SẮM TẬP TRUNG

Điều 20. Các khoản thu liên quan đến mua sắm tập trung

1. Đối với đơn vị mua sắm tập trung chuyên nghiệp:

- a) Thu từ việc bán hồ sơ mời thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

b) Thu từ nhà thầu trong trường hợp giải quyết kiến nghị theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

c) Thu về bảo đảm dự thầu, bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp nhà thầu không được nhận lại các khoản chi phí này theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

d) Thu từ cung cấp dịch vụ trong trường hợp cung cấp dịch vụ tiến hành lựa chọn nhà thầu cung cấp tài sản cho đơn vị mua sắm tập trung khác;

đ) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

2. Đối với đơn vị mua sắm tập trung kiêm nhiệm của Bộ Xây dựng được thu các khoản quy định tại khoản 1 Điều này, trừ khoản thu quy định tại điểm d khoản 1 Điều này.

Điều 21. Các khoản chi liên quan đến mua sắm tập trung

1. Nội dung chi:

a) Chi phí trong lựa chọn nhà thầu cung cấp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 13 Luật Đấu thầu năm 2013, Điều 9 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu và quy định của pháp luật có liên quan;

b) Chi thuê tổ chức đấu thầu chuyên nghiệp và chi phí thuê tư vấn (nếu có) để lựa chọn nhà thầu cung cấp tài sản trong mua sắm tập trung theo quy định;

c) Chi bàn giao, tiếp nhận tài sản;

d) Chi giải quyết các kiến nghị của nhà thầu (nếu có);

đ) Chi hoạt động liên quan trực tiếp thực hiện mua sắm tập trung;

e) Các khoản chi khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

2. Mức chi đối với các khoản chi phí quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức và chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định; trường hợp chưa có tiêu chuẩn, định mức và chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định thì người đứng đầu đơn vị mua sắm tập trung quyết định mức chi, đảm bảo phù hợp với chế độ quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Điều 22. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ mua sắm tập trung

a) Các khoản thu liên quan đến việc thực hiện mua sắm tập trung quy định tại khoản 2 Điều 20 Quy chế này được thu qua Văn phòng Bộ theo quy định;

b) Đơn vị mua sắm tập trung kiêm nhiệm của Bộ (Vụ Kế hoạch - Tài chính) được sử dụng số tiền thu được từ mua sắm tập trung chi tiêu theo quy định tại Điều 21 Quy chế này và chế độ hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ mua sắm tập trung của Bộ Xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 30 Thông tư số 35/2016/TT-BTC và chế độ hiện hành.

Mục 4: CÔNG KHAI, BÁO CÁO MUA SẮM TẬP TRUNG

Điều 23. Công khai trong mua sắm tập trung

Vụ Kế hoạch - Tài chính có trách nhiệm công khai các thông tin về mua sắm tập trung bao gồm:

1. Công khai nhu cầu mua sắm tập trung:

a) Nội dung công khai: Số lượng, chủng loại tài sản mua sắm; dự toán, nguồn vốn mua sắm tài sản;

b) Thời gian thực hiện công khai: Chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày tổng hợp xong nhu cầu mua sắm tập trung.

2. Công khai kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm tập trung:

Nội dung và thời gian thực hiện công khai kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm tập trung theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

3. Công khai kết quả mua sắm tập trung:

a) Nội dung công khai: Số lượng, chủng loại tài sản mua sắm; đơn giá, nguồn vốn và hình thức mua sắm tài sản; nhà thầu cung cấp tài sản; các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có) khi thực hiện mua sắm;

b) Thời gian thực hiện công khai: Theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

4. Hình thức công khai:

Ngoài các hình thức công khai được quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này; việc công khai các thông tin về mua sắm tập trung được thực hiện trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Xây dựng và Trang thông tin về tài sản nhà nước của Bộ Tài chính.

Điều 24. Báo cáo mua sắm tập trung

1. Hàng năm, Vụ Kế hoạch - Tài chính có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện mua sắm tập trung của năm trước theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tình hình thực hiện mua sắm tập trung là một nội dung trong báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

3. Nội dung báo cáo bao gồm:

a) Danh mục mua sắm tập trung;

b) Kết quả mua sắm tập trung trong năm;

c) Tổng số tiền tiết kiệm được do mua sắm tập trung (Tổng dự toán mua sắm tài sản thuộc danh mục mua sắm tập trung - Tổng chi thực tế mua sắm tài sản thuộc danh mục mua sắm tập trung) trong năm;

d) Xử lý vi phạm trong mua sắm tập trung.

4. Trình tự và thời hạn báo cáo tình hình mua sắm tập trung hàng năm được quy định như sau:

a) Đơn vị mua sắm tập trung của Bộ (Vụ Kế hoạch - Tài chính) tổng hợp, lập báo cáo tình hình mua sắm tập trung trình Bộ trưởng phê duyệt **trước ngày 28 tháng 02** hàng năm;

b) Báo cáo tình hình mua sắm tập trung của Bộ Xây dựng lập gửi Bộ Tài chính **trước ngày 15 tháng 3** hàng năm.

Chương III

THỰC HIỆN MUA SẮM TÀI SẢN TẬP TRUNG QUỐC GIA

Điều 25. Danh mục mua sắm tập trung quốc gia

Danh mục tài sản mua sắm tập trung quốc gia được quy định tại Điều 1 Thông tư số 34/2016/TT-BTC.

Điều 26. Cách thức thực hiện mua sắm tập trung quốc gia

Việc mua sắm tài sản tập trung quốc gia được thực hiện theo cách thức ký thỏa thuận khung theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 34/2016/TT-BTC.

Điều 27. Lập, phê duyệt dự toán mua sắm tập trung quốc gia

1. Căn cứ tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng tài sản, nhu cầu và hiện trạng sử dụng tài sản thuộc danh mục mua sắm quốc gia, đơn vị dự toán thuộc Bộ đề xuất nhu cầu mua sắm tài sản cùng với việc lập dự toán ngân sách hàng năm, trình Bộ Xây dựng phê duyệt theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; trong đó, xác định cụ thể chủng loại, số lượng, dự toán kinh phí mua sắm tài sản tập trung quốc gia cho từng đơn vị.

2. Bộ Xây dựng quyết định giao dự toán theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước cho cơ quan, đơn vị có nhu cầu và đủ điều kiện được mua sắm tài sản tập trung quốc gia.

Điều 28. Tổng hợp nhu cầu mua sắm tập trung quốc gia

1. Căn cứ thông báo dự toán mua sắm tài sản được Bộ Xây dựng giao, đơn vị dự toán trực thuộc có trách nhiệm lập văn bản đăng ký mua sắm tập trung gửi Bộ Xây dựng **trước ngày 31 tháng 01 hàng năm**.

Nội dung chủ yếu của văn bản đăng ký mua sắm tập trung của các đơn vị dự toán thuộc Bộ:

- a) Cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản;
- b) Chủng loại, số lượng tài sản mua sắm tập trung;
- c) Dự toán, nguồn vốn thực hiện mua sắm tập trung và phương thức thanh toán;
- d) Dự kiến thời gian, địa điểm giao, nhận tài sản sau khi hoàn thành mua sắm và các đề xuất khác (nếu có).

2. Vụ Kế hoạch - Tài chính có trách nhiệm:

Tổng hợp nhu cầu mua sắm tập trung của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Xây dựng theo mẫu số 01b/TH/MSTT ban hành kèm theo Thông tư số 35/2016/TT-BTC, báo cáo Bộ trưởng phê duyệt, gửi Bộ Tài chính **trước ngày 28 tháng 02 hàng năm**.

3. Trường hợp quá thời hạn quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, các đơn vị dự toán và Bộ Xây dựng không đề nghị Bộ Tài chính nhu cầu mua sắm tập trung quốc gia thì không được phép mua sắm tài sản đó.

Điều 29. Thực hiện các nội dung khác liên quan đến mua sắm tài sản tập trung quốc gia

Các nội dung khác liên quan đến mua sắm tài sản tập trung quốc gia thực hiện theo quy định tại Thông tư số 34/2016/TT-BTC và Thông tư số 35/2016/TT-BTC và chế độ hiện hành.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 30. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Xây dựng

1. Nguyên tắc chung:

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Xây dựng thực hiện đầy đủ trách nhiệm về mua sắm tài sản tập trung theo quy định hiện hành và theo Quy chế này.

2. Vụ Kế hoạch - Tài chính:

- Là đơn vị mua sắm tập trung kiêm nhiệm của Bộ Xây dựng, có trách nhiệm tổ chức triển khai, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện mua sắm tài sản nhà nước theo Quy chế này.

- Chủ trì, phối hợp với Vụ Tổ chức Cán bộ, Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường và các đơn vị có liên quan, tổ chức thực hiện mua sắm tài sản nhà nước theo danh mục được công bố, quy trình thực hiện mua sắm tập trung theo Quy chế này và quy định hiện hành.

- Bố trí cán bộ của Vụ và phối hợp với Vụ Tổ chức Cán bộ, Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường, Văn phòng Bộ và các đơn vị có liên quan thành lập bộ phận đảm bảo tổ chức thực hiện mua sắm tài sản tập trung theo đúng quy định hiện hành.

- Phối hợp với Trung tâm thông tin để thực hiện công bố thông tin về công khai mua sắm tập trung theo quy định tại Điều 23 Quy chế này.

- Định kỳ hàng năm, lập báo cáo mua sắm tập trung theo quy định tại Điều 24 Quy chế này gửi Bộ Tài chính theo quy định.

- Phối hợp với Văn phòng Bộ quản lý thu, chi liên quan đến mua sắm tập trung theo quy định tại Điều 20, Điều 21 và Điều 22 Quy chế này và quy định tại Thông tư số 35/2016/TT-BTC.

3. Vụ Tổ chức Cán bộ:

Phối hợp với Vụ Kế hoạch - Tài chính để rà soát, bổ sung, hoàn thiện báo cáo trình Bộ trưởng phê duyệt nhu cầu mua sắm tài sản của các đơn vị dự toán thuộc Bộ thuộc lĩnh vực, nhiệm vụ được giao.

4. Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường:

Phối hợp với Vụ Kế hoạch - Tài chính để rà soát, bổ sung, hoàn thiện báo cáo trình Bộ trưởng phê duyệt nhu cầu mua sắm tài sản của các đơn vị dự toán thuộc Bộ thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ được giao.

5. Văn phòng Bộ:

Phối hợp với Vụ Kế hoạch - Tài chính để rà soát, bổ sung, hoàn thiện báo cáo trình Bộ trưởng phê duyệt nhu cầu mua sắm tài sản của các đơn vị thuộc Văn phòng Bộ và các đơn vị có liên quan.

Thực hiện quản lý thu, chi liên quan đến mua sắm tập trung theo quy định tại Điều 20, Điều 21 và Điều 22 Quy chế này và theo quy định hiện hành.

6. Trung tâm Thông tin:

Chủ trì phối hợp với Vụ Kế hoạch - Tài chính để thực hiện công bố thông tin về công khai mua sắm tập trung theo quy định tại Điều 23 Quy chế này.

7. Các đơn vị dự toán thuộc Bộ:

- Thực hiện mua sắm tài sản tập trung theo đúng quy định của Quy chế này và quy định hiện hành;

- Nghiêm túc thực hiện quản lý, sử dụng tài sản có hiệu quả, thực hiện đầy đủ và kịp thời chế độ hạch toán, báo cáo theo quy định và Quy chế quản lý, sử dụng tài sản do cơ quan, đơn vị ban hành.

Điều 31. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế này, nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Xây dựng để phối hợp giải quyết./.

BỘ TRƯỞNG

Phạm Hồng Hà

Mẫu số 01a/TH/MSTT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2016/TT-BTC ngày 26/02/2016 của Bộ Tài chính)

BỘ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BẢNG TỔNG HỢP NHU CẦU MUA SẮM TẬP TRUNG CỦA BỘ XÂY DỰNG

Năm:

| Số TT | Tên tài sản và đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản | Đơn vị tính | Số lượng | Dự toán (đồng) | Nguồn vốn mua sắm | Phương thức thanh toán | Dự kiến thời gian, địa Điểm giao nhận tài sản | Các đề xuất khác (để tham khảo) | Ghi chú |
|----------|---|-------------|----------|----------------|-------------------|------------------------|---|---------------------------------|---------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) |
| I | Tài sản A | | | | | | | | |
| | Đơn vị... | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | |
| | Tài sản B | | | | | | | | |
| | Đơn vị... | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | |
| | Tài sản... | | | | | | | | |
| | Đơn vị... | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | |
| | TỔNG CỘNG | | | | | | | | |

....., ngày tháng năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU*(Ký, ghi rõ họ tên)***THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ***(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)***Ghi chú:**

- Các cột 2, 3, 4, 5, 6, 7 là chỉ tiêu bắt buộc.
- Cột 5: Ghi theo dự toán mua sắm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Cột 6: Ghi rõ từng nguồn vốn theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 35/2016/TT-BTC ngày 26/02/2016 của Bộ Tài chính.
- Cột 7: Ghi rõ phương thức thanh toán (một lần hay nhiều lần, tiền mặt hay chuyển Khoản).
- Cột 8: Đề xuất thời gian, địa Điểm giao nhận tài sản để đơn vị mua sắm tập trung tính toán phương án tổ chức thực hiện mua sắm cho phù hợp với thực tế.
- Cột 9: Ghi các thông tin để đơn vị mua sắm tập trung tham khảo trong quá trình lựa chọn nhà cung cấp như: Màu sắc, công suất, xuất xứ của tài sản,...

Mẫu số 01b/TH/MSTT*(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2016/TT-BTC ngày 26/02/2016 của Bộ Tài chính)***BỘ XÂY DỰNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BẢNG TỔNG HỢP NHU CẦU MUA SẮM TẬP TRUNG QUỐC GIA

Năm:

Kính gửi: Bộ Tài chính

| Số TT | Tên tài sản và Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản | Số lượng (chiếc) | Chủng loại | Dự toán (đồng) | Nguồn vốn mua sắm | Phương thức thanh toán | Dự kiến thời gian, địa Điểm giao nhận xe ô tô | Các đề xuất khác (để tham khảo) | Ghi chú |
|------------------|---|------------------|------------|----------------|-------------------|------------------------|---|---------------------------------|---------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) |
| I | Xe ô tô phục vụ chức danh | | | | | | | | |
| 1 | Đơn vị... | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | |
| II | Xe ô tô phục vụ công tác chung | | | | | | | | |
| 1 | Đơn vị... | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | |
| III | Xe ô tô chuyên dùng | | | | | | | | |
| 1 | Đơn vị... | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | |
| TỔNG CỘNG | | | | | | | | | |

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)***Ghi chú:**

- Các cột 2, 3, 4, 5, 6, 7 là chi tiêu bắt buộc.
- Cột 2: Đề nghị nêu rõ chức danh được đề nghị trang bị xe ô tô: Bộ trưởng, Thứ trưởng,
- Cột 4: Ghi số chỗ ngồi (4 chỗ, 5 chỗ,...); nếu là xe 02 cầu thì ghi rõ xe 02 cầu.
- Cột 5: Ghi theo dự toán mua sắm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Cột 6: Ghi rõ từng nguồn vốn theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 35/2016/TT-BTC ngày 26/02/2016 của Bộ Tài chính.
- Cột 7: Ghi rõ phương thức thanh toán (một lần hay nhiều lần, tiền mặt hay CK).
- Cột 8: Đề xuất thời gian, địa Điểm giao nhận tài sản để đơn vị mua sắm tập trung tính toán phương án tổ chức thực hiện mua sắm cho phù hợp với thực tế.
- Cột 9: Ghi các thông tin để đơn vị mua sắm tập trung tham khảo trong quá trình lựa chọn nhà cung cấp như: Màu sắc, công suất, xuất xứ của xe ô tô,...

Mẫu số 03/TTK/MSTT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2016/TT-BTC ngày 26/02/2016 của Bộ Tài chính)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

THỎA THUẬN KHUNG MUA SẮM TẬP TRUNG

Số:

Căn cứ Luật đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi Tiết thi hành một số Điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 08/2016/QĐ-TTg ngày 26 tháng 02 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức tập trung;

Căn cứ Thông tư số 35/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức tập trung;

Căn cứ hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu, hồ sơ lựa chọn nhà thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu....

Hôm nay, ngày tháng năm , tại, chúng tôi gồm có:

I. Đơn vị mua sắm tập trung:

Tên đơn vị:

Quyết định thành lập:

Mã số thuế:

Đại diện:, chức vụ

II. Nhà thầu cung cấp tài sản:

Tên đơn vị:

Giấy đăng ký kinh doanh:

Quyết định thành lập:

Mã số thuế:

Đại diện:, chức vụ

Hai bên thống nhất ký kết thỏa thuận khung mua sắm tập trung với các nội dung sau:

Điều 1. Phạm vi cung cấp tài sản

1. Tên tài sản (*mô tả chi Tiết tên, tiêu chuẩn kỹ thuật, xuất xứ của hàng hóa*) cung cấp.

2. Bảng kê số lượng tài sản.

3. Danh sách các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản.

Điều 2. Giá bán tài sản

Giá bán tài sản tương ứng với từng loại tài sản tại Điều 1 của Hợp đồng.

Điều 3. Thanh toán, thanh lý thỏa thuận khung

1. Thanh toán.
2. Thanh lý.

Điều 4. Thời gian, địa điểm bàn giao tài sản (dự kiến)

1. Thời gian giao tài sản.
2. Địa điểm giao tài sản.

Điều 5. Bảo hành, bảo trì; đào tạo, hướng dẫn sử dụng tài sản

1. Điều kiện bảo hành, bảo trì.
2. Đào tạo, hướng dẫn sử dụng tài sản.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của các Bên có liên quan

1. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu cung cấp tài sản.
2. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị trực tiếp ký hợp đồng mua sắm, sử dụng tài sản.
3. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị mua sắm tập trung.

Điều 7. Thời hạn có hiệu lực của thỏa thuận khung.

Điều 8. Xử phạt do vi phạm thỏa thuận khung.

Điều 9. Các nội dung liên quan khác.

Thỏa thuận khung này được làm thành bản có giá trị pháp lý như nhau; Đơn vị mua sắm tập trung, Nhà thầu cung cấp tài sản (mỗi bên giữ 02 bản); gửi các Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh có liên quan (mỗi cơ quan 01 bản) trong trường hợp mua sắm tập trung cấp quốc gia, gửi đơn vị đầu mỗi đăng ký mua sắm tập trung (mỗi đơn vị 01 bản) trong trường hợp mua sắm tập trung của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương.

Thỏa thuận khung này là cơ sở để các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản ký hợp đồng mua sắm tài sản với nhà thầu cung cấp tài sản./.

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU CUNG
CẤP TÀI SẢN**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ MUA
SẮM TẬP TRUNG**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 04a/HĐMS/MSTT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2016/TT-BTC ngày 26/02/2016 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA SẮM TÀI SẢN

Số:

(Áp dụng cho trường hợp mua sắm theo cách thức thỏa thuận khung)

Căn cứ Luật đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 08/2016/QĐ-TTg ngày 26 tháng 02 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức tập trung;

Căn cứ Thông tư số 35/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức tập trung;

Căn cứ Thỏa thuận khung số..... ngày tháng năm giữa (tên đơn vị mua sắm tập trung) và (tên nhà thầu cung cấp tài sản, hàng hóa, dịch vụ);

Hôm nay, ngày tháng năm , tại, chúng tôi gồm có:

I. Nhà thầu cung cấp tài sản:

Tên đơn vị:

Giấy đăng ký kinh doanh:

Quyết định thành lập:

Mã số thuế:

Đại diện bởi:, chức vụ.....

II. Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản (Bên mua sắm tài sản):

Tên đơn vị:

Quyết định thành lập:

Mã số thuế:

Đại diện bởi:, chức vụ

Hai bên thống nhất ký Hợp đồng mua sắm tài sản với các nội dung sau:

Điều 1. Chung loại, số lượng tài sản

1. Chung loại tài sản mua sắm.

2. Số lượng tài sản mua sắm.

Điều 2. Giá bán tài sản

Giá bán tài sản tương ứng với từng loại tài sản tại Điều 1 của Hợp đồng.

Điều 3. Phương thức và thời hạn thanh toán

1. Phương thức thanh toán
2. Thời hạn thanh toán

Điều 4. Thời gian, địa điểm giao, nhận tài sản

1. Thời gian giao, nhận tài sản
2. Địa điểm giao, nhận tài sản.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của các bên.

1. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu cung cấp tài sản:
 - a) Quyền và nghĩa vụ bảo hành, bảo trì tài sản.
 - b) Quyền và nghĩa vụ đào tạo, hướng dẫn sử dụng tài sản (nếu có).
 - c) Quyền và nghĩa vụ khác.
2. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản.

Điều 6. Chế độ xử phạt do vi phạm hợp đồng.

Hợp đồng này được làm thành bản có giá trị pháp lý như nhau; cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp mua sắm tài sản, nhà thầu cung cấp tài sản (mỗi bên giữ 02 bản); gửi 01 bản cho đơn vị mua sắm tập trung./.

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU CUNG CẤP
TÀI SẢN**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN, TỔ CHỨC,
ĐƠN VỊ TRỰC TIẾP SỬ DỤNG TÀI
SẢN**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 05a/BBGN/MSTT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2016/TT-BTC ngày 26/02/2016 của Bộ Tài chính)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHIỆM THU, BÀN GIAO, TIẾP NHẬN TÀI SẢN

(Áp dụng cho trường hợp mua sắm theo cách thức thỏa thuận khung)

Căn cứ Thông tư số 35/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức tập trung;

Căn cứ Thỏa thuận khung số..... ngày... tháng... năm..... giữa (tên nhà thầu cung cấp tài sản) và (tên đơn vị mua sắm tập trung);

Căn cứ Hợp đồng mua sắm tài sản số..... ngày tháng năm giữa (tên cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản) và (tên nhà thầu cung cấp tài sản);

Hôm nay, ngày tháng năm , tại, chúng tôi gồm có:

I. Đại diện nhà thầu cung cấp tài sản:

1. Ông (Bà):, chức vụ

2. Ông (Bà):, chức vụ

II. Đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản:

1. Ông (Bà):, chức vụ

2. Ông (Bà):, chức vụ

Các bên thống nhất thực hiện nghiệm thu, bàn giao tài sản gồm các nội dung sau:

1/ Tài sản thực hiện bàn giao:

| Số TT | Tên tài sản bàn giao | Đơn vị tính | Số lượng | Giá mua (đồng) | Hiện trạng tài sản bàn giao |
|-------|----------------------|-------------|----------|----------------|-----------------------------|
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |
| .. | | | | | |

2/ Các hồ sơ về tài sản bàn giao:

3/ Ý kiến của các bên giao, bên nhận (nếu có):

3.1. Ý kiến của bên giao:

3.2. Ý kiến của bên nhận:

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU CUNG CẤP TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ TRỰC TIẾP SỬ DỤNG TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)